

Bản án số: 71/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 22/5/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiến – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST - HNGĐ ngày 14/2/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐST - HNGĐ ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST – HNGĐ ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ E, sinh năm 1984 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ hiện tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Lê Thị Mỹ E trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Văn K cưới nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (Nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 21/10/2005. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do mâu thuẫn về quan điểm sống. Đến năm 2019 thì tình cảm vợ chồng của anh chị không thể hàn gắn được nữa, mặc dù gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần; chị và anh K đã ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nay chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh K không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh K, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh K nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Lê Diễm H, sinh ngày 28/8/2005; Nguyễn Khánh G, sinh ngày 08/9/2014 hiện nay con đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Lê Thị Mỹ E; chị E được ly hôn với Anh Nguyễn Văn K.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Diễm H, sinh ngày 28/8/2005; Nguyễn Khánh G, sinh ngày 08/9/2014 cho chị Mỹ E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mỹ E không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Mỹ E trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Lê Thị Mỹ E có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Mỹ E và anh K.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Mỹ E và anh K cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã N (Nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 21/10/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị Mỹ E và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do chị và anh K đã bất đồng quan niệm sống; gia đình 2 bên đã hòa giải cho chị và anh K nhiều lần nhưng không thành; chị và anh K đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tạo mọi điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh K vắng mặt tại các lần hòa giải cũng như xét xử không có lý do. Điều đó thể hiện anh K đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Mỹ E và anh K đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Mỹ E yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Mỹ E và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Lê Diễm H, sinh ngày 28/8/2005; Nguyễn Khánh G,

sinh ngày 08/9/2014. Hiện con chung đang sống cùng chị Mỹ E. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Mỹ E thấy rằng: Từ sau khi vợ chồng mỗi người sống một nơi, con chung sống với chị E; chị E chăm sóc con vẫn phát triển bình thường; việc chị E yêu cầu được nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu Diễm H và cháu Khánh G; Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Nguyễn Lê Diễm H, sinh ngày 28/8/2005; Nguyễn Khánh G, sinh ngày 08/9/2014 cho chị Mỹ E tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mỹ E không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị Mỹ E trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Nợ chung: chị Mỹ E trình bày không có nên không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) Chị Lê Thị Mỹ E phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Lê Thị Mỹ E. Chị Lê Thị Mỹ E được ly hôn với Anh Nguyễn Văn K. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 200 ngày 21/10/2005 của Ủy ban nhân dân xã N (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ E được quyền tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Lê Diễm H, sinh ngày 28/8/2005; Nguyễn Khánh G, sinh ngày 08/9/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mỹ E không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung; Nợ chung: chị Mỹ E trình bày không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) Chị Lê Thị Mỹ E phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001311 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Mỹ E đã nộp xong.

Chị Lê Thị Mỹ E, Anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND tt T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu